

## Theme and Variants

## Tab Design – Group Themes

## Themes

**This Presentation**

Aa

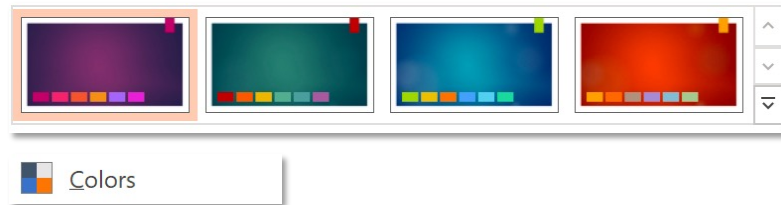
**Office**

Enable Content Updates from [Office.com](#)...

Browse for Themes... **Browse for Themes** sử dụng giao diện tải từ internet (\*.potx);

Save Current Theme... **Save Current Theme** lưu giao diện đang dùng dùng để sử dụng lại

## Tab Design – Group Variant



## Color Set



*Customize Colors* tùy chỉnh màu chi tiết;  
*Reset Slide Theme Colors* khôi phục lại hệ màu ban đầu

## Tab Design – Group Variant

Colors

Create New Theme Colors ? X

Theme colors

Text/Background - Dark 1

Text/Background - Light 1

Text/Background - Dark 2

Text/Background - Light 2

Accent 1

Accent 2

Accent 3

Accent 4

Accent 5

Accent 6

Hyperlink

Followed Hyperlink

Sample

Text

Text

Hyperlink

Hyperlink

Name: Custom 1 *Đặt tên cho hệ màu mới*

Reset *Khôi phục lại màu gốc* Save Cancel

## Color Set

Office

Office

Office 2007 - 2010

Grayscale

Blue Warm

Blue

Blue II

Blue Green

Green

Green Yellow

Yellow

Yellow Orange

Orange

Orange Red

Red Orange

Red

Red Violet

Violet

Violet II

Median

Paper

Marquee

Customize Colors...

Reset Slide Theme Colors

## Tab Design – Group Variant

## Font Set

**Create New Theme Fonts**

Latin text

Heading font (Latin): Calibri Light

Body font (Latin): Calibri

Sample: Heading  
Body text body text body text. Body text

East Asian text

Heading font (Asian):

Body font (Asian):

Sample: 标题  
正文文本正文文本。正文文本正文文本

Name: Custom 1 Đặt tên cho hệ kiểu chữ mới

Save Cancel

**Office**

Aa **Office**  
Calibri Light  
Calibri

Aa **Office 2007 - 2010**  
Cambria  
Calibri

Aa **Calibri**  
Calibri

Aa **Arial**  
Arial

Aa **Corbel**  
Corbel

Aa **Candara**  
Candara

Aa **Franklin Gothic**  
Franklin Gothic Medi  
Franklin Gothic Book

Aa **Century Gothic**  
Century Gothic

Aa **Tw Cen MT**  
Tw Cen MT  
Tw Cen MT

Customize Fonts...

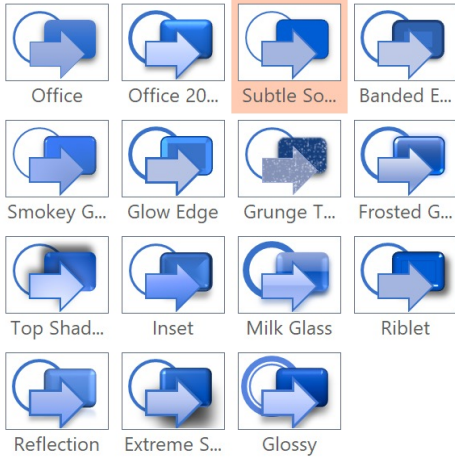
## Tab Design – Group Variant

## Effects



Effects


### Office

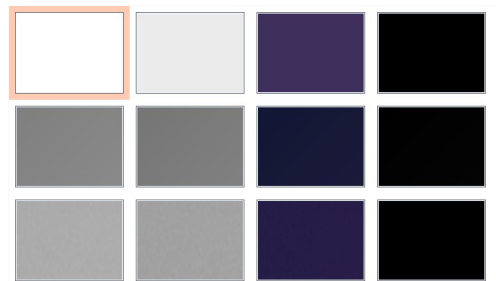



## Tab Design – Group Variant

## Background



 Background Styles



 Format Background...

 Reset Slide Background

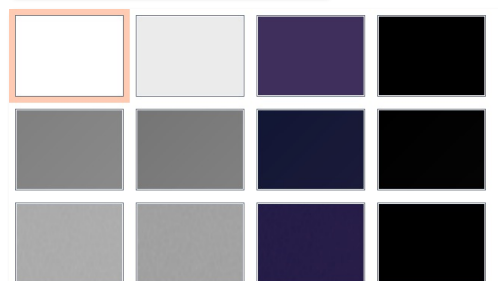
***Format Background*** tùy chỉnh nền slide chi tiết;  
***Reset Slide Background*** khôi phục lại màu nền slide

## Tab Design – Group Variant

## Background



Background Styles



Format Background...

Reset Slide Background

### Format Background

**Fill**

- Solid fill
- Gradient fill
- Picture or texture fill
- Pattern fill
- Hide background graphics

Color

Transparency  0%

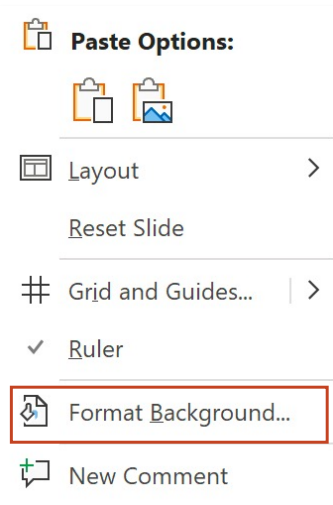


# Format Background

## Tab Design – Group Customize

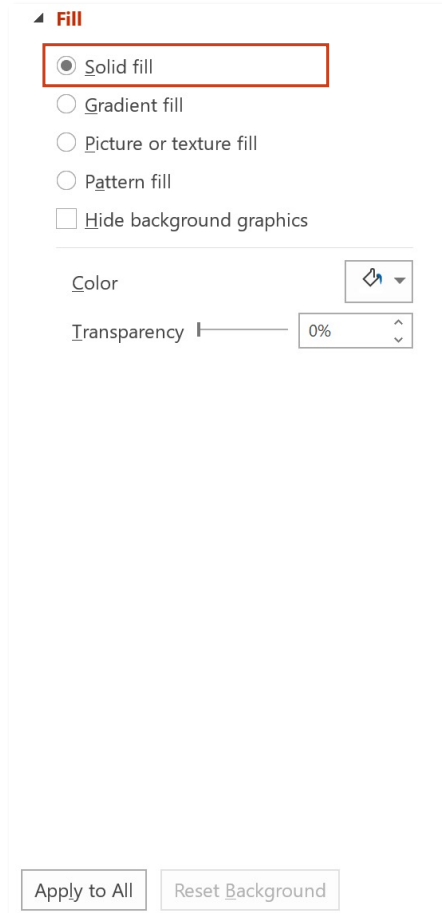


**#1: Sử dụng nút lệnh ở nhóm lệnh Customize – Tab Design**



**#2: Sử dụng nút lệnh khi click chuột phải trong Slide**

## Format Background



**Màu đơn**

**Color** chọn màu;  
**Transparency** độ trong suốt

**Apply to All** áp dụng cho tất cả slide;  
**Reset Background** khôi phục cài đặt gốc

## Tab Design – Group Customize

Format Background

**Fill**


Solid fill

Gradient fill


Picture or texture fill

Pattern fill

Hide background graphics




Preset gradients 


Type

Direction 

Angle

Gradient stops

Color 

Position

Transparency

Brightness

Rotate with shape


Apply to All    Reset Background


## Format Background

Bạn đọc xem lại hệ màu Gradient tại:


### Tooltab Shape Format – Group Shape Styles

### Fill – Gradient


Shape Fill 

Gradient 

More Gradients...




Preset gradients 


Type

Direction 

Angle

Gradient stops


Color 


Position


Transparency

Brightness

**Gradient stops – điểm đổi màu**



 Tạo thêm điểm đổi màu (hoặc click trên thanh gradient)

 Bỏ điểm đổi màu được chọn (hoặc kéo ra ngoài)

**Color** – màu của gradient stop,  
**Position** – vị trí của gradient stop trên thanh gradient,  
**Transparency** – độ trong suốt của gradient stop,  
**Brightness** – độ sáng của gradient stop

## Tab Design – Group Customize



**Fill**

Solid fill


Gradient fill

Picture or texture fill

Pattern fill

Hide background graphics

Picture source

Texture 

Transparency  0%

Tile picture as texture

Offset X

Offset Y

Scale X

Scale Y

Alignment

Mirror type

Rotate with shape

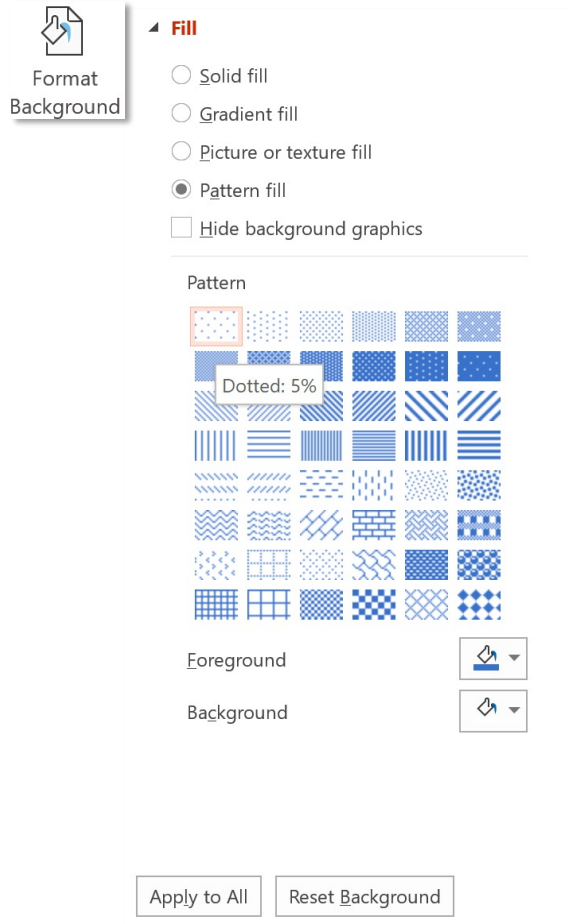
*Dùng hình ảnh làm nền hoặc nền giống tấm vải thô dệt*

- Insert** chọn hình từ máy;
- Clipboard** hình từ bộ nhớ đệm (vừa được copy)
- Texture** chọn kiểu tấm dệt;
- Transparency** độ trong suốt

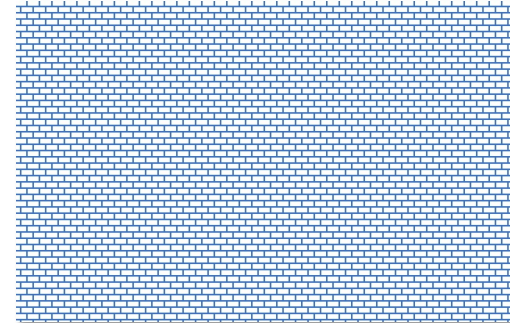


## Format Background

## Tab Design – Group Customize



*Nền được tạo từ họa tiết*

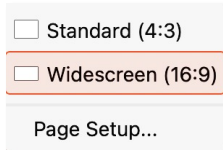


**Foreground** màu biểu tượng;  
**Background** màu nền

## Format Background

## Tab Design – Group Customize

## Slide Size

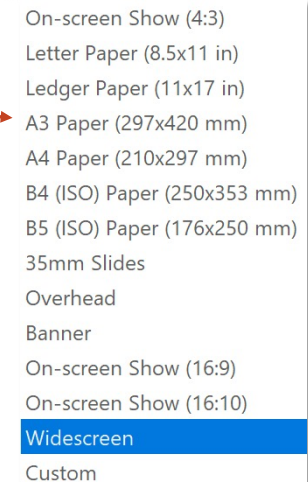
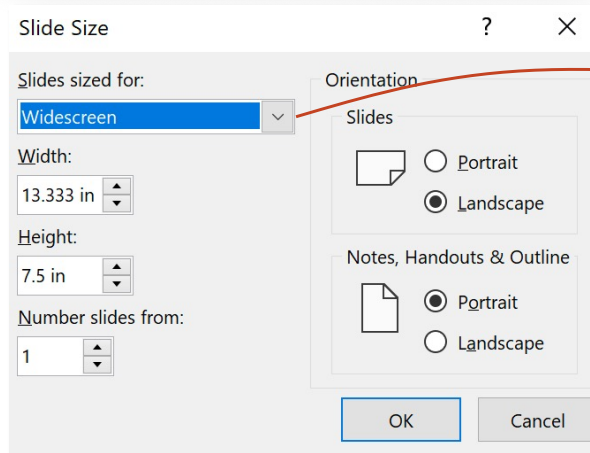
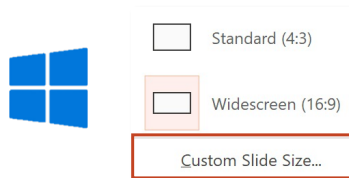
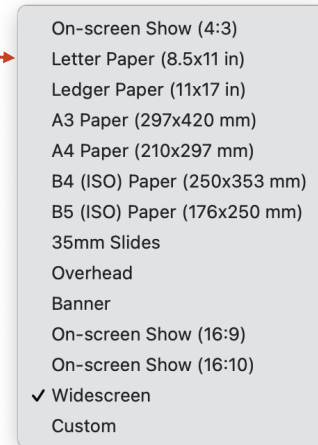
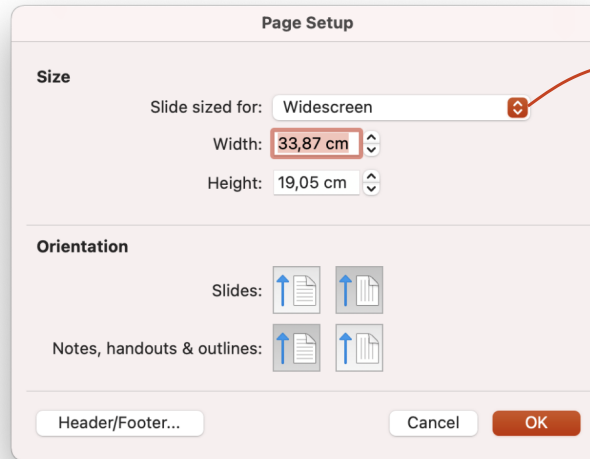
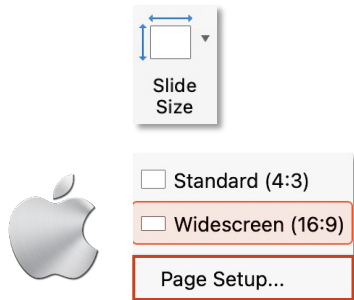


**Standard (4:3)** khổ gần vuông, phù hợp cho thiết bị chiếu là màn hình chiếu;

**Widescreen (16:9)** khổ ngang, phù hợp với thiết bị chiếu là Tivi

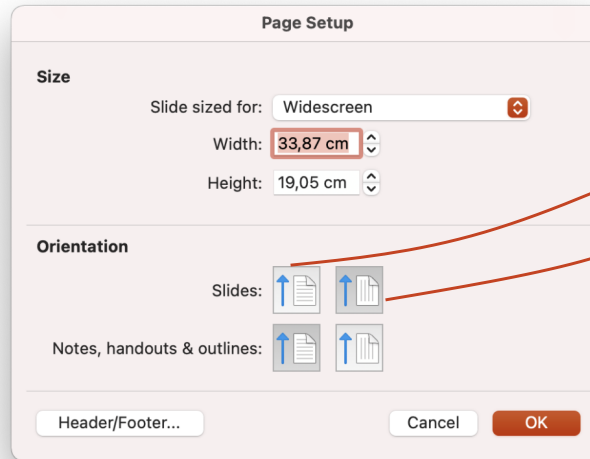
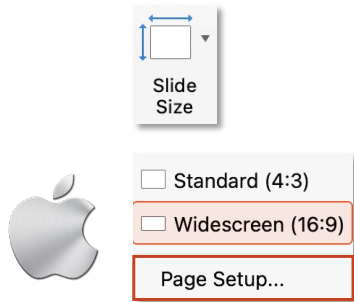
## Tab Design – Group Customize

## Slide Size



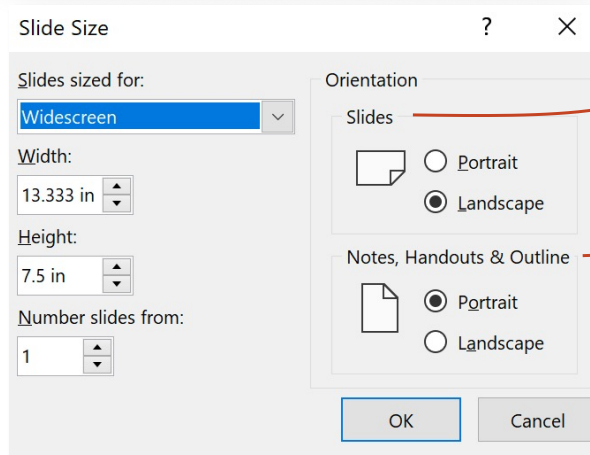
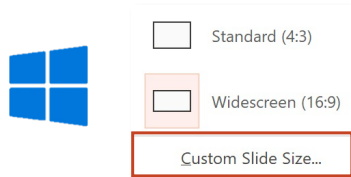
## Tab Design – Group Customize

## Slide Size



**Portrait hướng dọc**

**Landscape hướng ngang**



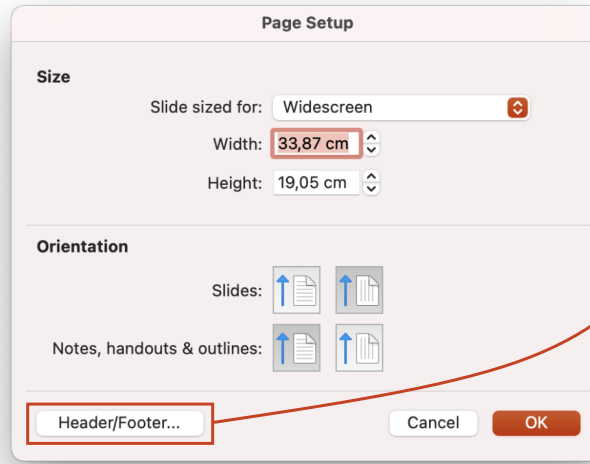
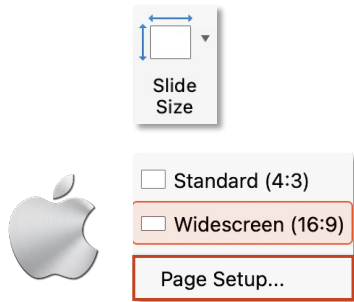
**Slidea hướng slide**

**Notes, Handouts & Outline hướng Note & Handouts**

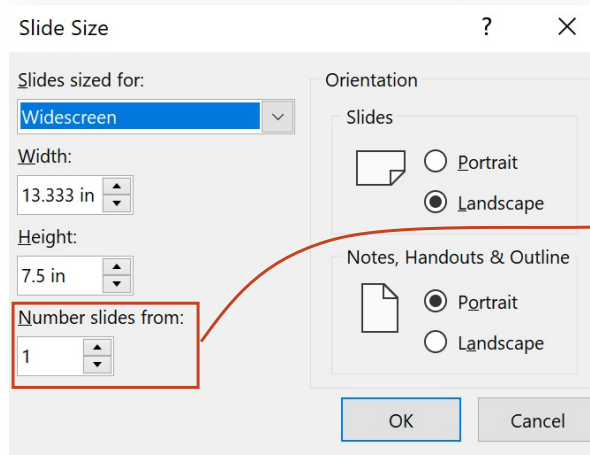
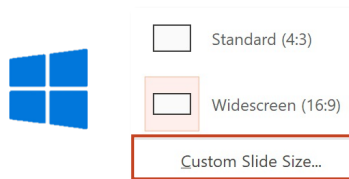


## Tab Design – Group Customize

## Slide Size



Mac có thêm tính năng **Header/Footer Number Slides from** có trong Header/Footer



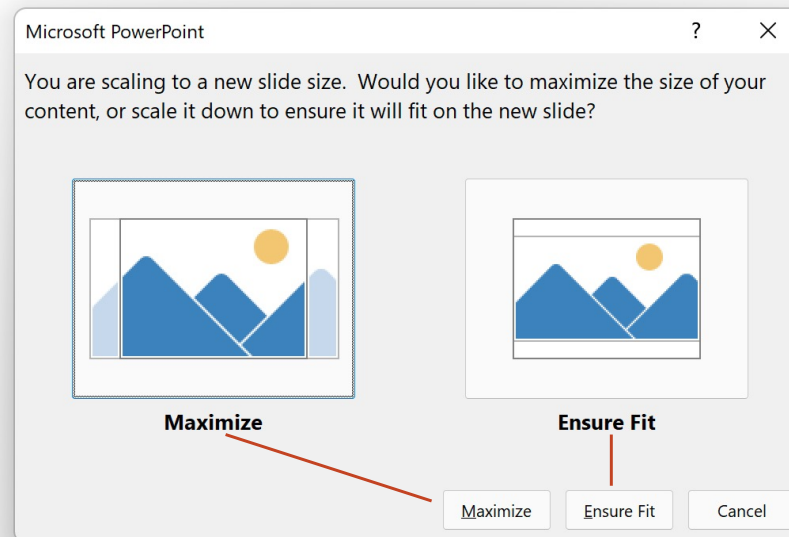
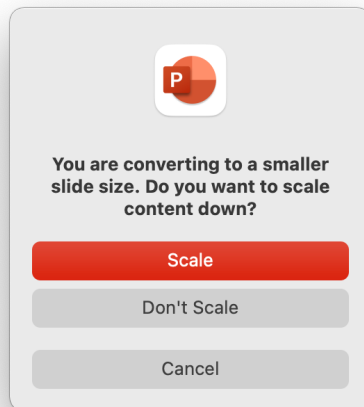
Phiên bản ở Win thay Header/Footer bằng **Number Slides from**

## Tab Design – Group Customize

## Change Slide Size

Sau khi thay đổi **Slide size**, hiển thị thông báo yêu cầu chọn 2 chế độ Scale:

- **Don't Scale (Maximize):** giữ nguyên kích thước đối tượng sau khi thay đổi kích thước slide,
- **Ensure Fit (Scale):** thay đổi kích thước đối tượng sau khi thay đổi kích thước slide



## Tab Design – Group Customize

## Change Slide Size

Sau khi thay đổi **Slidesize**, hiển thị thông báo yêu cầu chọn 2 chế độ Scale:

- **Don't Scale (Maximize)**: giữ nguyên kích thước đối tượng sau khi thay đổi kích thước slide,
- **Ensure Fit (Scale)**: thay đổi kích thước đối tượng sau khi thay đổi kích thước slide

